

# “CÙNG” – TÁC TỬ ĐÁNH DẤU THUYẾT ĐỒNG NHẤT

Nguyễn Văn Phở<sup>1</sup>

## Tóm tắt

Trong bài viết này tác giả đã phân tích các đặc trưng ngữ pháp và ngữ nghĩa của “cùng” với tư cách là một vị từ, một vị từ tình thái và một giới từ. Tác giả chứng minh rằng “cùng” là một tác tử đánh dấu thuyết đồng nhất (trong khi đó, “đều” đánh dấu đề đồng nhất). Nói cách khác, “cùng” cho thấy rằng các đối tượng đồng quy (“gặp nhau”) ở hành động, thuộc tính, trạng thái của chúng. Trong cấu trúc của “cùng” thường có mặt liên đới thể. Liên đới thể có thể ẩn nếu nó được bao hàm trong một danh ngữ phức số làm đề (chủ ngữ) của câu; lúc này, nó có thể được nhận diện dưới hình thức một đại từ tương hỗ.

**Từ khoá:** cùng, vị từ, vị từ tình thái, giới từ, thuyết thống nhất

1. Cùng là một từ ít được chú ý từ trước đến nay. Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê, 1995) xem cùng là (i) tính từ: với nghĩa “có sự đồng nhất hoặc sự giống nhau hoàn toàn về cái gì hoặc về hoạt động nào đó”, eg. *Anh em cùng cha khác mẹ, Hai việc cùng quan trọng như nhau, Không có ai đi cùng*; (ii) kết từ: biểu thị quan hệ liên hợp, 1. “biểu thị người hay sự vật sắp nêu ra có mối quan hệ đồng nhất về hoạt động, tính chất hoặc chức năng với người hay sự vật vừa được nói đến”, eg. *Nó đến cùng với bạn, Nàng về nuôi cái cùng con*, 2. “biểu thị người sắp nêu ra là đối tượng mà chủ thể của hoạt động vừa nói nhằm tới, coi là có quan hệ tác động qua lại mật thiết với mình”, eg. *Biết nói cùng ai*; (iii) trợ từ: “nhấn mạnh về sắc thái tha thiết mong muốn có sự đáp ứng, sự cảm thông ở người khác”, eg. *Người trong một nước thì thương nhau cùng*.

Những định nghĩa vừa dẫn có lẽ khó thỏa mãn người đọc. Chẳng hạn, với các ví dụ ở nét nghĩa (i), người ta không hiểu tại sao trong “cùng quan trọng” thì có thể bỏ cùng mà trong “cùng cha” thì

---

<sup>1</sup> TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

không thể, người ta cũng không hiểu ở “đi *cùng*” thì đồng nhất hay giống nhau giữa cái gì với cái gì. Ở các ví dụ (ii) người ta cũng không hiểu *cùng* có đồng nhất với với không, vì hoàn toàn có thể thay *cùng* bằng *với* trong các ngữ cảnh trên mà ngữ nghĩa hầu như không đổi. Và trong định nghĩa của *Từ điển*, chúng tôi nhận thấy có một khiếm khuyết khá lớn, đó là *cùng* không hề được xét đến khi nó xuất hiện ở vị trí trước vị từ.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi muốn làm rõ những vấn đề ngữ nghĩa và ngữ pháp của *cùng*, để từ đó chứng minh rằng *cùng* là một tác tử đánh dấu thuyết đồng nhất – một “đôi trọng” của *đều*, tác tử đánh dấu đề đồng nhất (cf. CX Hạo, 1991).

2. Nhìn chung, *cùng* có ba tư cách (vị từ, vị từ tình thái, và giới từ), thể hiện ở bốn trường hợp sau đây. Ví dụ:

- (1) a. Hà và Lê cùng tuổi.  
b. Hà và Lê cùng sở thích.  
c. Hai cái áo này cùng màu.
- (2) a. Hà và Lê cùng học lớp một.  
b. Hà và Lê cùng học lớp 1A.
- (3) a. Hà và Lê học cùng một thầy.  
b. Hà và Lê học cùng thầy.
- (4) a. Hà cùng gia đình đi nghỉ mát.  
b. Hà đi nghỉ mát cùng với gia đình.

### 2.1. Vị từ “*cùng*”

Về ngữ pháp, trong các câu (1), *cùng* giữ vai trò của một vị từ chính danh, nhận danh ngữ đi sau nó làm bổ ngữ. Do cương vị này mà *cùng* không thể bị tỉnh lược.

Về ngữ nghĩa có thể nhận thấy:

(i) Nghĩa của *cùng* ở (1a) là cái gì đó tương tự *bằng*; ở (1b, c) tương tự *giống*; tức là biểu thị sự có thuộc tính “đồng nhất” giữa các thực thể được nêu lên trước làm đề.

Có thể diễn giải như sau: Hà  $x$  tuổi, Lê  $x$  tuổi; vậy Hà và Lê gặp nhau ở “tuổi”. Tương tự, Hà có sở thích  $y$ , Lê có sở thích  $y$ ; vậy Hà và Lê gặp nhau ở “sở thích”. “Tuổi” hay “sở thích” chính là *điểm đồng quy* giữa Hà và Lê. Sở dĩ gọi là *điểm đồng quy* là vì đó không phải là **một** cái gì đó chung cho cả Hà và Lê (theo nghĩa Hà và Lê “chia” nhau) mà, nói đúng ra, đó là điểm gặp nhau về thuộc tính của Hà và Lê (Sự phân biệt này sẽ được làm rõ ở các phần sau).

(ii) Trong cấu trúc nghĩa của vị từ *cùng*, diễn tố thứ hai (bổ ngữ) thường là một danh ngữ biểu thị phạm vi/lĩnh vực, nơi mà các chủ thể nêu ở đề gặp nhau – rất giống với tham tố cương vực (range) ở các vị từ hành động. Về ngữ pháp, cái danh ngữ này là danh từ khối; tuy nhiên, nó phải có tính chỉ định (specificity)<sup>(2)</sup> để có thể trở thành điểm đồng quy cho các chủ thể nói ở phần đề (cf. CXHạo, 1991: 94, 95 và 98)<sup>(3)</sup>. Xét:

(5) a. Hà và Lê cùng tuổi (/họ, quê, suy nghĩ, quan điểm, sở thích, nguyện vọng, bậc lương, trình độ, v.v.)

b. Hai cái áo này cùng màu (/kiểu, hiệu, giá, cỡ, lỗi, chất liệu)

Với hai (/nhiều) chủ thể là người, có rất nhiều “lĩnh vực” có thể gặp nhau: tên, họ, quê quán, tuổi, ý thích, v.v.; với hai (/nhiều) sự vật (chúng tôi sẽ gọi chung là chủ thể) thì đó là kiểu dáng, chất liệu, giá cả, kích thước, độ bền, nhiệt độ nóng chảy, v.v.. Nếu những chủ thể làm đề gặp nhau ở một thuộc tính nào đó thuộc những “lĩnh vực” vừa nói thì người nói có thể sử dụng vị từ *cùng* để diễn đạt. Trong câu (4a), trên bề mặt người nghe không biết Hà và Lê mấy tuổi, họ gì, v.v., nhưng về mặt hình thức đó là một danh ngữ chỉ định (specific indefinite) – vì quá trình so sánh đồng nhất chỉ có thể diễn ra khi ít nhất người nói phải biết rõ, chẳng hạn, Hà 6 tuổi, Lê 6 tuổi, Hà họ Trần, Lê họ Trần – nghĩa là biết chính xác tiêu chí hoặc bình diện quy chiếu.

<sup>2</sup> Trong các tài liệu ngôn ngữ học tiếng Việt hình như chưa có tác giả nào bàn đến đặc trưng chỉ định [ $\pm$ specific] của các danh ngữ bất định (indefinite noun phrases). Đây là một khái niệm quan yếu khi đề cập đến ngữ nghĩa và ngữ dụng của danh ngữ bất định ở nhiều thứ tiếng khác. Cf. Geurts Bart, Klaus von Heusingger.

<sup>3</sup> Giống như khi nói “Mất xe rồi!” thì danh ngữ “xe” chỉ chiếc xe mà người nói (có thể cả người nghe) đã biết, chứ không phải là một chủng loại.

Theo quan sát của chúng tôi, tính chỉ định (bất định-chỉ định) của danh ngữ là một yêu cầu quan yếu về ngữ pháp. Xét các ví dụ sau:

- (6) a. *Hai đứa chúng tôi cùng tôn giáo (/đạo).*  
b. ??*Hai đứa chúng tôi cùng Thiên chúa giáo (/đạo Phật).*
- (7) a. *Nhà chúng tôi cùng đường.*  
b. ??*Nhà chúng tôi cùng đường Nguyễn Huệ.*
- (8) a. *Hai cái áo này cùng giá.*  
b. ??*Hai cái áo này cùng (giá) hai trăm ngàn.*
- (9) a. *Ngày xưa, chúng tôi cùng đơn vị.*  
b. ??*Ngày xưa, chúng tôi cùng Sư 5.*

Các câu (a) đúng ngữ pháp vì có bổ ngữ là một danh ngữ chỉ định. Trong khi đó, các câu (b) khó có thể chấp nhận vì bổ ngữ của nó là một danh ngữ cá thể (individual) mang sở chỉ rõ ràng. Ngay cả ở các trường hợp phân thuyết của câu [*cùng* + NP] bị hạ cấp trở thành một định ngữ thì tình hình cũng không có gì khác. Ví dụ:

- (10) a. *Tôi về thăm nhà với một cậu cùng đơn vị.*  
b. ??*Tôi về thăm nhà với một cậu cùng (đơn vị) Sư 5.*  
c. *Tôi ở chung với một anh bạn cùng quê.*  
d. ??*Tôi ở chung với một anh bạn cùng (quê) Cà Mau.*

Hiện tượng trên rõ ràng mang tính nhất loạt (regularly). Và nó cho phép giải thích tại sao các danh ngữ sau vị từ *cùng* có thể được đánh dấu bằng quán từ bất định *một* mà ý nghĩa hoàn toàn không đổi ("*cùng một tuổi*", "*cùng một sở thích*", "*cùng một màu*", "*cùng một đường*", v.v.).

Trong thực tế, đôi khi có những danh ngữ mang dáng dấp của một cá thể xuất hiện ở vị trí sau *cùng*. Chẳng hạn:

- (11) a. ??*Hà và Lê cùng sáu tuổi.*  
b. ??*Nó với thằng bé kia cùng tên Nam.*

Chúng tôi cho rằng, những trường hợp này đáng ngờ về mặt ngữ pháp, có hai lý do: (i) *cùng* trở nên "thừa", không còn giữ vai trò vị

từ trung tâm của thuyết nữa, ở (11a, b) *cùng* có thể bị tỉnh lược mà nghĩa của câu không đổi, thậm chí trở nên “bình thường” hơn về ngữ pháp; (ii) khi có mặt những danh ngữ cá thể hóa kiểu này, khả năng hình thành thể liên đới (comitative) không còn nữa<sup>4</sup>). (Khả năng xuất hiện thể liên đới có thể xem là một đặc trưng quan trọng của *cùng* dù ở bất kỳ vị trí nào. Đặc trưng này sẽ thể hiện rõ hơn ở những phần sau). So sánh:

- (12) a. *Hà cùng tuổi với Lê.*  
 b. \**Hà cùng sáu tuổi với Lê.*  
 c. *Nó cùng tên với thằng bé kia.*  
 d. \**Nó cùng tên Nam với thằng bé kia.*

## 2.2. Vị từ tình thái “*cùng*”

2.2.1. Khi đứng trước một vị từ “bình thường”, *cùng* giữ vai trò của một vị từ tình thái. Xét ví dụ (2) ở trên:

- (2) a. *Hà và Lê cùng học lớp một.*  
 b. *Hà và Lê cùng học lớp 1A.*

Ở (2), *cùng* là vị từ tình thái, cần một vị từ đứng sau làm bổ ngữ. Tuy nhiên, phạm vi tác động của *cùng* bao trùm toàn bộ ngữ vị từ làm thuyết trong câu chứ không chỉ vị từ đứng ngay sau nó. Điều này dẫn đến một yêu cầu là bản thân ngữ vị từ theo sau *cùng* phải bảo đảm tính hoàn chỉnh về mặt cấu trúc và ngữ nghĩa.

Ở (2a), Hà và Lê đồng quy (gặp nhau) ở đặc trưng “học lớp một”, còn ở (2b) đồng quy ở đặc trưng “học lớp 1A”. Nghĩa là, ở (2a) Hà chỉ gặp Lê ở chỗ “học lớp một”, chứ không hàm nghĩa chung trường hoặc chung lớp – khác với (2b). Với một cấu trúc có nhiều tham tố hơn, khi xuất hiện trước vị từ trung tâm, *cùng* cũng tác động đến toàn bộ các tham tố đó: “Hà và Lê *cùng* [học toán với cô Mai ở Trung tâm luyện thi Vĩnh Viễn]”. Tuy nhiên, khi *cùng* có mặt trước ngữ vị từ thì bao giờ cũng hàm nghĩa liên đới, tức là luôn luôn có thể xuất hiện tham tố

<sup>4</sup> Chúng tôi cho rằng, trong việc dạy tiếng những trường hợp như (11) không thể xem là chuẩn mực.

liên đới thể bằng cách tách một bộ phận chủ thể thành một vai nghĩa đứng riêng hoặc dùng đại từ tương hỗ (reciprocal) làm nhiệm vụ hồi chỉ. Ví dụ:

- (13) a. Hà cùng học lớp một với Lê.
- b. Hà cùng học lớp 1A với Lê.
- c. Hà và Lê cùng học lớp một với nhau.
- d. Hà và Lê cùng học lớp 1A với nhau.

Trên thực tế, yêu cầu về tính hoàn chỉnh của ngữ vị từ đóng vai trò thuyết của câu cho thấy *cùng* hành chức như một vị từ tình thái, sự có mặt hay vắng mặt của *cùng* không làm thay đổi nội dung mệnh đề của câu. Ở (2a), nếu không có *cùng*, nội dung mệnh đề vẫn là “Hà học lớp một và Lê học lớp một”; nếu có *cùng* nội dung mệnh đề ấy lại có thêm nghĩa (tình thái): “thuộc tính “học lớp một” là điểm gặp nhau hay điểm đồng quy của Hà và Lê”.

Như vậy, với sự có mặt của *cùng*, có thể diễn đạt nghĩa của (2a): “Hà và Lê đồng quy ở thuộc tính ‘học lớp một’”. Cách diễn giải này cũng ứng dụng cho trường hợp các câu (1a) ở trên: “Hà và Lê đồng quy ở ‘tuổi’”.

2.2.2. Nhìn chung, vị từ tình thái *cùng* không đi trước các vị từ biểu thị cảm nghĩ, tri giác (đúng hơn, những vị từ biểu thị nội dung tri giác) (NV Phổ, 2009) hay vị từ tính chỉ tính chất – tức là những vị từ [-chủ ý]. Ví dụ:

- (14) a. \*Hà và Lê cùng hiểu/biết câu trả lời. (so sánh (ss): cùng nghe)
- b. \*Chúng tôi cùng nhớ nhà. (ss: Chúng ta hãy cùng nhớ lại...)
- c. \*Hà và Lê cùng thấy một cô gái đẹp. (ss: cùng nhìn)
- d. \*Vi đội bóng thua, mấy đứa nó cùng buồn.
- e. ??Bọn thanh niên trong làng cùng yêu cô ấy.
- f. ??Hai chị em cô ấy cùng đẹp/cao/gầy.

Ở một mức độ nào đó có thể nói rằng, trong tiếng Việt, các trạng thái nội tại khó có thể đóng vai trò là điểm đồng quy giữa các chủ thể

(thường là người). Nếu so sánh những trường hợp trên với dạng “đôi tác” của nó là *đều* thì có thể nói rằng trạng thái nội tại có thể *giống nhau* chứ không thể đồng quy. Hà và Lê có thể *cùng* nghe câu trả lời chứ không thể *cùng* biết câu trả lời, có thể *cùng* nhìn chứ không thể *cùng* thấy một cô gái đẹp.

Tất nhiên, một vị từ có thể được sử dụng theo cách [-chủ ý] hoặc [+chủ ý] tùy vào các yếu tố tham gia khung ngữ nghĩa của nó. So sánh các câu sau đây: câu (a) dùng theo cách [+chủ ý], câu (b) [-chủ ý]:

- (15) a. *Nếu không lấy được nhau, chúng ta sẽ cùng chết/\*thiệt mạng.*  
b. *??Tai nạn xảy ra, tất cả 6 hành khách trên xe cùng chết/thiệt mạng.*
- (16) a. *Đất nước này là của chúng ta. Chúng ta hãy cùng yêu mến nó.*  
b. *??Các bạn lớp tôi cùng yêu mến cô ấy.*

Ở câu (15a), “*cùng chết*” không có nghĩa là “*cùng* trạng thái chết” (như ở (15b)) mà là *cùng* thực hiện hành động gì đó để chết; ở (16a), “*cùng yêu mến nó*” có nghĩa là “*cùng* giữ gìn, bảo vệ nó”, chứ không phải *cùng* tình cảm yêu mến như (16b).

Nói khái quát, *cùng* khó đi trước một ngữ vị từ mà trung tâm là một vị từ [-chủ ý]. Nếu khả năng này xuất hiện, nghĩa của vị từ mang tính [+chủ ý].

Tuy nhiên, trong thực tế sử dụng ngôn từ, có một số trường hợp có vẻ không thỏa những điều vừa trình bày ở trên nhưng vẫn được chấp nhận. Khi đó có thể đoán chắc rằng điểm đồng quy chính là điểm quy chiếu thời gian chứ không phải là bản thân trạng thái cảm xúc của các chủ thể. Chẳng hạn:

- (17) a. *Nghe tin đó, mấy đứa chúng tôi cùng vui mừng.*  
b. *Vừa đói vừa lạnh, chúng tôi cùng nhớ nhà.*

*Cùng* ở hai câu (17) chỉ khả chấp nếu hiểu rằng các sự tình được diễn đạt được quy đồng thời điểm: ở (17a) là “cảm thấy vui mừng cùng một lúc”, ở (17b) là “cảm thấy nhớ cùng một lúc” (Thật ra, dù hiểu nghĩa nào thì ở các câu (17) thay *cùng* bằng *đều* sẽ tự nhiên hơn nhiều).

Ngoài ra, có trường hợp chúng tôi cho rằng *cùng* được sử dụng theo một cách đặc biệt, vì nó có vẻ nằm ngoài đặc điểm hệ thống vừa trình bày. Ví dụ:

(18) a. ?*Hai việc đó cùng quan trọng.*

b. ?*Hà và Lê cùng đẹp.*

Cũng có thể cho *cùng* cả hai câu (18) đồng quy thời gian như các câu trên. Tuy nhiên, trong cảm nhận bình thường của người bản ngữ, cách hiểu đó có vẻ khiên cưỡng.

Các câu (18) có thể được diễn đạt theo cách thức chuẩn tắc hơn: “Hai việc đó quan trọng *như nhau*”, “Hà và Lê đẹp *như nhau*”. Ở đây ta có một cấu trúc so sánh hiển ngôn (về *mức độ* quan trọng và về *mức độ* đẹp giữa hai đối tượng được nói đến). Chú ý: với yêu cầu của một cấu trúc so sánh, sự có mặt của “*như nhau*” là bắt buộc.

Trong trường hợp khác, nếu muốn diễn đạt sự đồng nhất hai đối tượng về một thuộc tính nào đó được đưa ra so sánh thì có lẽ một cấu trúc có *đều* sẽ tự nhiên hơn: “Hai việc đó *đều* quan trọng”, “Hà và Lê *đều* đẹp”. (Tất nhiên, *đều* mang một tiền giả định: không có đối tượng nào không mang thuộc tính “quan trọng”/“đẹp” – cf. Nguyễn Đức Dương, 2000).

Như vậy, ở các câu (18), nếu không có “*như nhau*”, câu có vẻ thiếu tự nhiên, hơn nữa, không rõ nó sẽ được dùng trong tình huống nào; nếu có “*như nhau*”, có vẻ như *cùng* trở nên không cần thiết, vì nó không đem lại nét nghĩa gì mới cho cấu trúc – do vậy khó giải thích về cả ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa. Chúng tôi cho rằng có lẽ nên diễn giải (18a) như sau: “Hai việc đó (có) *cùng* mức độ quan trọng”, (18b): “Hà và Lê (có) *cùng* mức độ đẹp”. Sự xuất hiện của các câu như (18) khá phổ biến, nhưng không trải rộng trên các vị từ cùng nhóm; do vậy diễn giải như trên là khả chấp.

Tương tự, *cùng* đi trước hệ từ *là*, theo chúng tôi cũng là một cách dùng cần được thuyết minh thêm. Xét các câu sau:

(19) a. ??*Tất cả bạn cũ của tôi cùng là bác sĩ.*

b. ??*(Họ làm nghề gì vậy?) – Hai vợ chồng họ cùng là bác sĩ.*



- c. ??Hà và Lê cùng là người Hà Nội.
- d. ??Hà và Lê cùng là người hiền lành.

Trên đại thể, *cùng* hầu như không đứng trước hệ từ là trong những cấu trúc biểu thị nghề nghiệp, chức vụ, vị trí, thuộc tính nội tại khi cấu trúc đó phân lập (“đứng riêng”) trong một chuỗi phát ngôn. Một cấu trúc như thế có vẻ “ổn” hơn nếu có một đoạn câu theo sau biểu thị sự tương phản nào đó giữa các đối tượng được nói đến. Chẳng hạn:

- (20) a. Hà và Lê cùng là người Hà Nội, nhưng tính cách hoàn toàn khác nhau.
- b. Hà và Lê cùng là người hiền lành, nhưng Hà thì thông minh, sắc sảo, Lê thì chân thật, khù khờ.

Tuy nhiên, thay *cùng* bằng *đều* vẫn là một cách diễn đạt tự nhiên hơn.

### ***Bàn thêm về cùng và đều***

Về đại thể, *cùng* biểu thị sự đồng quy thuộc tính giữa hai hay nhiều đối tượng (= đề) được nói đến. Đây là đặc trưng có thể dùng để phân biệt *cùng* với *đều*. Xét các câu sau:

- (21) a. Hà và Lê đều uống trà.
- b. Hà và Lê cùng uống trà.
- c. Đúng 5 giờ, Hà và Lê đều ra về.
- d. Đúng 5 giờ, Hà và Lê cùng ra về.

Sự luân phiên *đều* và *cùng* khá đều đặn, nhưng ngữ nghĩa của hai vị từ tình thái này khác nhau rất rõ. Ở câu (21a), cả Hà lẫn Lê uống trà chứ *không có ai* uống gì khác; ở (21c) cả Hà lẫn Lê ra về lúc 5 giờ chứ *không có ai* về trễ hơn hay sớm hơn – nên hai người giống nhau. Hay nói cách khác: *hai chủ thể* (= đề) *đồng nhất với nhau* ở một thuộc tính (uống trà, ra về lúc 5 giờ).

Ở câu (21b), và (21d), “uống trà” và “ra về lúc 5 giờ” là thuộc tính của Hà, cũng như của Lê (không khác (21a, c)). Nhưng sự có mặt của *cùng* đã quy đồng thuộc tính của Hà và của Lê (hai thuộc tính này

gặp nhau hay đồng quy). Mỗi chủ thể gắn với một thuộc tính, cho nên sự đồng quy thuộc tính này đã mang lại một “nét mới” cho cấu trúc: hai chủ thể được đặt trong quan hệ tương hỗ hoặc liên đới (chứ không phải là đồng nhất như *đều*). Nghĩa là, khi hai chủ thể đồng quy ở một hành động, quá trình, trạng thái thì mặc nhiên giữa chúng có một quan hệ qua lại gì đó *với nhau*. Cái “nét mới” này, dù có được hiển ngôn hay không thì nó cũng tồn tại bên cạnh nội dung sự tình với tư cách là một nét nghĩa tình thái.

Như vậy, có thể khái quát như sau: *đều* là một tác tố đánh dấu sự đồng nhất đề ở một thuộc tính nào đó, còn *cùng* là một tác tố đánh dấu sự đồng nhất thuộc tính của các đề (cả chủ đề và khung đề). Hay nói cách khác, trong một câu có hai phần đề-thuyết, *đều* là tác tố biểu thị sự đồng nhất đề, trong khi *cùng* là tác tố biểu thị sự đồng nhất thuyết (do vậy, các đề khác nhau có quan hệ tương hỗ/liên đới với nhau). Đó chính là cơ sở của sự đồng quy thuộc tính đã nói đến ở trên.

Cách diễn giải này thể hiện được chức năng quan trọng của *đều* là đánh dấu đề (cf. CXHạo, 1991: 112); và nó giải thích được hiện tượng, trong trường hợp *cùng*, các đối tượng được đưa ra làm đề (ở dạng liên hợp: “Hà và Lê”, hoặc ở dạng đại từ phức số: “chúng tôi”, “họ”) có thể tách ra thành thể liên đới dẫn nhập bằng *với*, trong khi *với đều* thì không thể.

Có thể thấy rõ sự phân biệt này qua một ví dụ khác:

- (22) a. Ông tổng và bà phó đều đi công tác.  
 b. \*Ông tổng và bà phó đều đi công tác với nhau.  
 c. \*Ông tổng đều đi công tác với bà phó.  
 d. Ông tổng và bà phó đều đi công tác, không có ai xử lý chuyện này cả.
- (23) a. Ông tổng và bà phó cùng đi công tác.  
 b. Ông tổng và bà phó cùng đi công tác với nhau.  
 c. Ông tổng cùng đi công tác với bà phó.  
 d. ??Ông tổng và bà phó cùng đi công tác, không có ai xử lý chuyện này cả.  
 e. Ông tổng và bà phó cùng đi công tác, vui thật!

Câu (22) cho thấy “ông tổng” đồng nhất với “bà phó” ở chỗ “đi công tác”, nhưng đó là hai chuyên công tác khác nhau. Trong khi (23) luôn được hiểu là “ông tổng” và “bà phó” đi công tác *với nhau*.

Tất nhiên, trong một vài tình huống, sự phân biệt *cùng* và *đều* về ngữ nghĩa không phải là điều dễ dàng.

### 2.3. Giới từ “*cùng*”

2.3.1. Với nghĩa tương tự như những trường hợp trên, *cùng* có thể đứng sau một vị từ và trước một danh ngữ để hành chức như một giới từ. Ở trường hợp này, phạm vi tác động của *cùng* là danh ngữ đứng sau nó.

Xét các câu sau:

- (24) a. Hà và Lê ở *cùng phòng*.  
b. Hà và Lê ở *cùng một phòng*.  
c. ??Hà và Lê ở *cùng phòng A025*.

- (25) a. Hà và Lê đi *cùng đường*.  
b. Hà và Lê đi *cùng một đường*.  
c. ??Hà và Lê đi *cùng đường Lê Lợi*.

Như trên đã nói, không thể quy đồng hai sự tình mà không xác định điểm đồng quy. Ở các câu (a), “phòng”/“đường” cũng là những danh ngữ chỉ định: cái phòng mà Lê ở, con đường mà Lê đi cũng chính là cái phòng, con đường mà Hà ở hay Hà đi. Các câu (a) có hai đặc điểm: sự có mặt của *cùng* là bắt buộc, và dễ dàng hiển ngôn liên đới thể (“Hà và Lê ở *cùng phòng với nhau*”, “Hà đi *cùng đường với Lê*”).

Ở các câu (b) của vd (24) (25), “một phòng”/“một đường” cũng là những danh ngữ bất định. Và khi tính bất định này được hiển ngôn thì ở các câu (b) *cùng* là một tùy chọn (trong khi ở các câu (a) sự có mặt của *cùng* là bắt buộc).

Các câu (c) của (24) và (25) không được chấp nhận vì danh ngữ sau *cùng* là một cá thể có sở chỉ hiển ngôn.

Khi tham gia vào kết cấu ngữ vị từ với tư cách là một bổ ngữ, danh ngữ đang bàn cũng chịu sự ràng buộc về mặt ngữ nghĩa với vị từ chi phối nó. Xét các câu:

- (26) a. ??Hà và Lê mua cùng một quyển sách.  
b. Hà và Lê đọc cùng một quyển sách.  
c. \*Hai nhà văn Trần Hà và Vũ Lê viết cùng một quyển tiểu thuyết.  
d. Hai nhà văn đó viết cùng (một) đề tài.  
e. ??Hai chị em mặc cùng một cái áo.  
f. Hai chị em mặc cùng (một) kiểu áo.

Bổ ngữ ở các câu trên đều mang số đơn, chỉ một cá thể. Trong điều kiện bình thường, cái “quyển sách” mà Hà đã mua thì Lê không thể mua được nữa; “quyển tiểu thuyết” mà nhà văn Trần Hà viết thì không thể là sản phẩm của Vũ Lê; “cái áo” mà cô chị đang mặc thì cô em không thể “cùng mặc” – do đó, (a), (c) và (e) bất khả chấp.

Ở các câu (26d, f), sự xuất hiện của *một* là tùy chọn, và khả năng đưa liên đới thể vào cấu trúc câu là rất dễ dàng: “Nhà văn Trần Hà viết cùng đề tài với nhà văn Vũ Lê”, “Hai chị em mặc cùng kiểu áo với nhau”. Trong khi đó, (26b) thì không thể (??“Hà đọc cùng quyển sách với Lê”); nhưng nếu thay danh từ đơn vị *quyển* bằng danh từ đơn vị *loại* thì khả năng có liên đới thể là bình thường: “Hà đọc cùng loại sách với Lê”.

Như vậy, có thể thấy danh ngữ biểu thị một cá thể phân lập trong không gian có thể xuất hiện sau *cùng* hay không là vấn đề thuộc về ngữ nghĩa. Đây là một đặc điểm khác với *cùng* là vị từ hoặc vị từ tình thái.

Những trường hợp phân tích ở (26) cũng cho thấy hoạt động của *cùng* rất khác với *chung*. So sánh (26a,c,e) với các câu (27) sau đây:

- (27) a. Hà và Lê mua chung một quyển sách.  
b. Hai tác giả Trần Hà và Vũ Lê viết chung một quyển tiểu thuyết.  
c. Hai chị em mặc chung một cái áo.

Ở (27a) có thể hiểu Hà và Lê góp tiền để mua, “quyền sách” là tài sản chung của hai người. Ở (27b) Trần Hà và Vũ Lê hợp tác với nhau, hai người là đồng tác giả của “quyển tiểu thuyết”. Ở (27c), “cái áo” đó là sở hữu của cả hai chị em, được hai chị em mặc vào những thời gian khác nhau.

Ngược lại, có khi *chung* không thể xuất hiện ở vị trí của *cùng*. Ví dụ:

- (28) a. *Trong cả ba vụ cướp, hắn sử dụng cùng một khẩu súng.*  
b. ??*Trong cả ba vụ cướp, hắn sử dụng chung một khẩu súng.*  
c. *Bữa sáng và bữa chiều tôi ăn cùng một món.*  
d. ??*Bữa sáng và bữa chiều tôi ăn chung một món.*

(Các câu (28a, c) cho thấy rõ đặc trưng *đồng nhất thuyết* mà chúng tôi đã đề cập ở trên. Trong cả hai câu này, phần (khung) đề ở dạng phức số – “trong cả ba vụ cướp”, “bữa sáng và bữa chiều” – nên vẫn có thể xuất hiện liên đới thể. Chẳng hạn: “Bữa chiều tôi ăn cùng một món với buổi sáng”).

Ngay cả khi có thể xuất hiện trong một ngữ cảnh đồng nhất thì *cùng* và *chung* vẫn có sự khác biệt nhất định.

- (29) a. *Chúng tôi gọi cùng một món.*  
b. *Chúng tôi gọi chung một món.*  
c. *Chúng tôi nói cùng một ý.*  
d. *Chúng tôi nói chung một ý.*

Ở (29b), “một món” đó là một đĩa, một tô hoặc một phần và hai người ăn chung; còn ở (29a) “một món” đó là món súp cua chẳng hạn, mỗi người một chén – điếm gặp nhau giữa hai người chính là thuộc tính của món đó (= súp cua). Ở (29c), mỗi người nói ý của mình, ý của họ có nội dung giống nhau; còn ở (29d), có thể hiểu là hai người thống nhất ý kiến với nhau và một trong hai người sẽ nói ra ý kiến thống nhất đó.

Từ những ví dụ trên, có thể nhận định rằng, với cấu trúc [V + *chung* + *một*...] *chung* biểu thị sự chia sẻ một thực thể (duy nhất và cụ

thể); trong khi đó với cấu trúc [V + *cùng* + *một*...] *cùng* biểu thị sự đồng quy thuộc tính hơn là chia sẻ một thực thể (Có thể nói “mặc *cùng* một kiểu/màu áo” chứ khó nói “mặc *chung* một kiểu/màu áo”)(<sup>5</sup>).

Khả năng hành chức của *cùng* trong những trường hợp vừa trình bày cho thấy đặc điểm ngữ pháp của *cùng* khi đi với danh ngữ rất khác với *same* tiếng Anh. Trong khi *same* mang đầy đủ thuộc tính của một tính từ (adjective), tham gia cấu trúc danh ngữ với tư cách một định ngữ (the *same* direction, the *same* question) thì *cùng* của tiếng Việt nằm ngoài cấu trúc danh ngữ với tư cách là một giới từ (*cùng* [một hướng], *cùng* [một câu hỏi]).

Tất nhiên, vẫn có thể chuyển dịch *same* bằng một hình thức khác: chẳng hạn một vị từ tính (= *giống*), nhưng vị từ này hoạt động khác với một vị từ mang đầy đủ đặc trưng của một tính từ kiểu như *same*, vì khi đó cả ngữ đoạn phải được tổ chức lại (*giống nhau, giống như...*).

- (30) a. *John and Jim gave the same question.*  
b. *John và Jim hỏi cùng một câu.*  
c. ?*John và Jim đưa ra một câu hỏi giống nhau.*  
d. *John đưa ra một câu hỏi giống như (câu hỏi của) Jim.*

Trong nhiều trường hợp, có lẽ *cùng* tiếng Việt gần với *together* tiếng Anh hơn.

### 2.3.2. “Cùng” và “với”

Trong cấu trúc có *cùng*, có một biểu hiện cần làm sáng tỏ: sự xuất hiện của “*với*...”.

#### 2.3.2.1. Xét các mô hình cấu trúc như sau:

- (31) a. Đề [S<sub>1</sub> & S<sub>2</sub>] – Thuyết [*cùng* VP]  
b. *Hà và Lê cùng đi Đà Lạt.*

---

<sup>5</sup> Thực tế, phân biệt *chung* và *cùng* là chuyện khó. Trong thực hành tiếng có lẽ tạm diễn giải: *chung* được dùng với ý “chia sẻ”, còn *cùng* thì không có ý “chia sẻ” như vậy.

(32) a. Đề [S<sub>1</sub> & S<sub>2</sub>] – Thuyết [cùng VP với S<sub>3</sub>]

b. Hà và Lê cùng đi Đà Lạt với bố.

(33) a. Đề [S<sub>1</sub>] – Thuyết [cùng VP với S<sub>2</sub>]

b. Hà cùng đi Đà Lạt với Lê.

Với câu (31), chúng ta có một cấu trúc đề-thuyết đơn giản, trong đó đề là một ngữ đoạn liên hợp (chẳng hạn, “Hà và Lê”) hoặc một đại từ ở phức số (chẳng hạn, “chúng tôi”). Về cấu trúc ngữ nghĩa, câu (31) có hai diễn tố: hành thể (Hà và Lê) và đích (Đà Lạt). Sự có mặt của vị từ *cùng* biểu thị ý nghĩa rằng các thành viên trong cái đề phức số ấy gặp nhau ở hoạt động mà thuyết biểu hiện.

Câu (32) khác (31) ở chỗ cấu trúc ngữ nghĩa của nó có thêm tham tố thứ ba: liên đới thể (comitative, đánh dấu bằng *với*). Câu (32) khác (33) ở chỗ đề (32) ở dạng đơn số. Xét câu sau:

(34) a. Hà học toán với Lê.

b. Hà học toán với thầy Nam.

Câu (34a, b) đều có liên đới thể, nhưng ở (a) có thể dùng *cùng* trước vị từ, trong khi (b) thì không thể:

(35) a. Hà cùng học toán với Lê.

b. \*Hà cùng học toán với thầy Nam.

Lý do là Hà và Lê (hai bạn học – nội dung này do ngữ cảnh hoặc tình huống cung cấp) có thể gặp nhau ở thuộc tính “học toán”, chứ Hà và thầy Nam – một người học và một người dạy – không thể có sự gặp nhau như vậy.

Từ (34) và (35) có thể thấy rằng *cùng* không đòi hỏi đề ở dạng phức số như bề ngoài của các câu (31) và (32) thể hiện (hoàn toàn đối lập với *đều*) mà nó chỉ đánh dấu sự đồng quy thuộc tính *giữa các tham tố có quan hệ liên đới với nhau*.

Có thể thấy rõ hơn sự phân biệt vừa nói, so sánh các câu (36):

(36) a. Hà cùng ra Hà Nội với bố.

b. Hà với bố cùng ra Hà Nội.

c. Hà ra Hà Nội với bố.

d. Hà và Lan cùng ra Hà Nội với bố.

(36a) và (36b) có thể xem là đẳng nghĩa, và nghĩa của nó có thể được diễn giải tương tự (31). Tuy nhiên, ở (36c) có hai cách hiểu hoàn toàn khác nhau: (i) cách hiểu thứ nhất tương tự (36a,b) “bố” là liên đới thể; (ii) cách hiểu thứ hai: bố của Hà làm việc ở Hà Nội và mùa hè này Hà đi *một mình* ra Hà Nội để chơi với bố, “bố” không còn là liên đới thể nữa mà đã trở thành (một kiểu) đối thể (objective). Với cách hiểu (ii), không thể có *cùng* trước vị từ *ra* vì không hề có sự đồng quy nào ở đây cả. (Chú ý: vị từ *đi ở* (32) (33) không có khả năng diễn giải như *ra*, vì bản chất ngữ nghĩa của nó chỉ là sự di chuyển chứ không bao hàm hướng hay đích như *ra*). So sánh (36c) với (36d) sẽ thấy rõ hơn sự đối lập *cùng* và *với*: *cùng ở* (36d) chỉ liên quan đến Hà và Lan chứ không liên quan đến bố, “bố” là đối thể.

2.3.2.2. Nếu mở rộng phạm vi quan sát đến các câu có quan hệ tương hỗ (reciprocity), với sự có mặt của tham tố liên đới thể, có thể thấy một hiện tượng mang tính nhất loạt.

Xét các câu:

- (37) a. Hà nói chuyện với Lê.  
 b. Hà trao đổi với Lê về chuyện đó.  
 c. Chúng tôi sẽ làm việc với cơ quan chức năng về chuyện đó.

Ở các ví dụ trên, *cùng* có thể tham gia vào cấu trúc mà không làm thay đổi nội dung mệnh đề của câu. Chẳng hạn:

- (38) a. Hà cùng nói chuyện với Lê.  
 b. Hà và Lê cùng trao đổi với nhau về chuyện đó.  
 c. Chúng tôi sẽ cùng làm việc với cơ quan chức năng về chuyện đó.

Như vậy, ở các cấu trúc ngữ nghĩa có liên đới thể, hay nói khái quát hơn, có quan hệ tương hỗ, thì sự có mặt của *cùng* là một tùy chọn rất phổ biến. Và trong một chừng mực nào đó có thể nhận định rằng sự có mặt của *cùng* luôn song hành với thể liên đới nói riêng, quan hệ tương hỗ nói chung – trừ trường hợp *cùng* là giới từ đi trước bổ ngữ như những phân tích ở mục 2.3.1.



Từ mối quan hệ mật thiết đó, *cùng* có thể xuất hiện ở nhiều vị trí khác nhau trong cấu trúc chứ không còn đóng khung ở trước ngữ vị từ hay danh ngữ (mà nó tác động) nữa. Ví dụ:

- (39) a. *Hà nói chuyện/trao đổi cùng với Lê.*  
b. *Hà cùng với Lê nói/trao đổi chuyện đó.*  
c. *Chúng tôi sẽ làm việc cùng với các cơ quan chức năng.*

Trong các câu trên, *cùng* không xuất hiện trước vị từ với tư cách là vị từ tình thái, và cũng không xuất hiện trước danh ngữ với tư cách là vị từ chính danh nữa mà kết hợp với *với* để đánh dấu liên đới thể. Lúc này, *cùng* hành chức hoàn toàn giống như một giới từ “bình thường” (và tương đương với *với* về ngữ nghĩa). Ở các câu (39), có thể bỏ *với* mà nội dung ngữ nghĩa không thay đổi (“Hà trao đổi *cùng* Lê”, “Hà *cùng* Lê trao đổi”, “Chúng tôi sẽ làm việc *cùng* các cơ quan chức năng”). Và khi tạo thành một giới ngữ, có thể thay đổi vị trí (sự thay đổi vị trí này không thể diễn ra nếu xem *với* và *cùng* là liên từ):

- (40) a. *Cùng với Lê, Hà đã trao đổi quan điểm về chuyện đó.*  
b. *Chúng tôi cùng với các cơ quan chức năng sẽ làm rõ việc đó.*  
c. *Chúng ta sẽ đấu tranh đến cùng, cùng với những người yêu tự do.*

Tuy nhiên, khác với *với*, *cùng* vẫn giữ lại phần nào tính chất của một vị từ – hay nói khác đi, có hiện tượng trung hòa hóa giữa *cùng* vị từ và *cùng* giới từ. Ví dụ:

- (41) a. *Chúng tôi sẽ cùng với các cơ quan chức năng làm rõ việc đó.*  
b. *Bố tôi đang cùng với các chú bàn về chuyện cải táng cho ông.*

Ở hai câu (41), sự có mặt của *cùng* là bắt buộc, trong khi *với* là tùy chọn; trong khi ở (39) và (40) ba khả năng – *với*, *cùng* và *cùng với* – có thể xem là ngang nhau.

Cũng cần nói thêm, *với* là một giới từ có thể dẫn nhập cho nhiều tham tố khác nhau, liên đới thể, phương tiện, tiếp thể, v.v.; do vậy *với* có khả năng gây ra hiện tượng mơ hồ giữa các vai nghĩa.

Trong trường hợp này *cùng* là sự thay thế hoặc kết hợp thích hợp nhất. Ví dụ:

- (42) a. Cùng với Lê, Hà đưa ra đề nghị này.
- b. Với Lê, Hà đưa ra đề nghị này.
- c. Cùng với các tổ chức nhân đạo quốc tế, Chính phủ đã tiến hành cứu trợ khẩn cấp cho nhân dân vùng lũ.
- d. Với các tổ chức khủng bố, chúng ta đã có đối sách thích hợp.

Ở (42b) *với* không còn đánh dấu liên đới thể như khi đi *với cùng* (42a) nữa mà nó biểu thị tiếp thể (Lê là đối tượng nhận đề nghị của Hà). Tương tự, (42c) sự có mặt của *cùng* bảo đảm nghĩa liên đới rõ hơn là chỉ có *với*; trong khi đó (42d) không thể có *cùng*.

### **Bị chú:**

Ở đây nảy sinh một hiện tượng cần diễn giải, đó là sự xuất hiện đồng ngữ cảnh của *và* và *với* (trong trường hợp: “Hà *và* bố cùng ra Hà Nội” và “Hà *với* bố cùng ra Hà Nội”). Thoạt nhìn, nếu chỉ căn cứ vào hai cấu trúc ở dạng phân lập (đứng riêng) thì dễ cho rằng *với* là sự thay thế đồng nghĩa cho *và*. Nghĩa là *với* có tư cách một liên từ, biểu thị quan hệ liên hợp hay đẳng lập. Cách diễn giải này không phải là không có cơ sở. Tuy nhiên, từ những phân tích trên (các ví dụ (31) – (36)), chúng tôi nghiêng về quan điểm cho rằng nên giới thuyết *với* như là một giới từ biểu thị quan hệ liên đới. Cách diễn giải này vừa chặt chẽ hơn, đứng trên bình diện cấu trúc tham tố, vừa bảo đảm được sự đối lập giữa *và* và *với* – hai tác tố ngữ nghĩa-ngữ pháp quan trọng của tiếng Việt.

Cũng cần nói thêm, trong khẩu ngữ tiếng Việt có một hiện tượng luân phiên rất đều đặn giữa quan hệ liên hợp và quan hệ liên đới.<sup>(6)</sup>

---

<sup>6</sup> Thậm chí, trong khẩu ngữ Nam bộ hầu như không thấy liên từ *và* mà thay vào đó chỉ có *với*. Chẳng hạn: “Ba nó *với* mẹ nó bỏ nhau rồi”, “Tối hôm qua uống rượu *với* bia nên mệt quá”, “Dọn dẹp nhà cửa *với* giặt quần áo là mất cả buổi sáng”, v.v.. Quả thật, quan hệ liên đới nói chung, ngữ nghĩa và ngữ pháp của *với* nói riêng, là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn nữa.

Theo quan sát của chúng tôi, khi có hai hay nhiều thực thể liên hợp với nhau, người nói, tùy vào góc nhìn của mình, sẽ chọn một thực thể làm xuất phát điểm, các thực thể còn lại sẽ liên đới với nó về mặt ngữ nghĩa (và ngữ pháp). Vd:

- (43) a. *Bé Na và bố đi sở thú.*  
b. *Bé Na đi sở thú với bố.*  
c. *Bé Na với bố đi sở thú.*

Quan hệ liên hợp (về mặt ngữ pháp là quan hệ đẳng lập thể hiện bằng tác tố *và*) giữa hai thành phần của cùng một tham tố (hành thể ở (43a)) được chuyển đổi thành quan hệ liên đới và biểu hiện bằng tác tố *với*. Như vậy, ở (43b, c) ta có cấu trúc tham tố giống nhau. Trong khi đó, nếu xem *với* (= *và*) là liên từ thì ta sẽ có hai *với* khác nhau, và sẽ không thể thuyết minh được về quan hệ tham tố giữa (43b) và (43c).

Từ những điều vừa nói trên, chúng tôi cho rằng trong các trường hợp (4) ở trên, *cùng* có tư cách của một giới từ hơn là một liên từ, dù trong nhiều trường hợp rạch ròi hai tư cách này là điều không dễ.

Trở lại ví dụ (4) ở trên, có thể nói rằng *cùng* trong (4a, b) là một dạng phái sinh của *cùng* trong (1) và (2). Ở (4) *cùng* mang tư cách một giới từ, nhưng về nghĩa khác với giới từ ở (3). Trong bất kỳ sự tình nào có liên đới thể hoặc quan hệ tương hỗ, nếu một chủ thể được chọn ra để làm đề (xuất phát điểm của nhận định) thì bao giờ cũng có khả năng đan xen giữa *cùng* và *với* để biểu thị thể liên đới. Và dù khả năng kết hợp giữa hai yếu tố đó như thế nào thì đặc trưng quy đồng thuộc tính của *cùng* và liên đới của *với* cũng không hoàn toàn mất đi.

### 3. Thay lời kết

*Cùng* là một từ có những biểu hiện đa dạng và phức tạp so với bề ngoài của nó.

Có thể tóm tắt như sau: *cùng* biểu thị sự quy đồng thuộc tính giữa hai hay nhiều chủ thể; hay nói khái quát hơn, *cùng* là một *tác tử đánh dấu thuyết đồng nhất*, với ba chức năng chính:

- (i) vị từ chính danh (đi trước một danh ngữ chỉ định làm bổ ngữ);

- (ii) vị từ tình thái (đi trước một ngữ vị từ có cấu trúc hoàn chỉnh – nghĩa là có khả năng đứng làm thuyết trong câu mà bổ ngữ là một danh ngữ cá thể, có thể có sở chỉ hiện ngôn);
- (iii) giới từ, có hai trường hợp:
  - a. đi sau một vị từ và trước một danh ngữ làm bổ ngữ (biểu thị điểm quy đồng): tương tự như (i).
  - b. kết hợp hoặc không kết hợp với *với* biểu thị liên đới thể, có vị trí tương đối tự do trong câu.

Trên đây là những phân tích các biểu hiện có thể xem là cơ bản và phổ biến của *cùng*. Tuy nhiên, để đơn giản hơn, nhằm ứng dụng vào việc dạy và học tiếng, có thể trình bày *cùng* ở ba biểu hiện: (i) *cùng* đi trước danh ngữ, (ii) *cùng* đi trước ngữ vị từ và (iii) *cùng* đi với *với*.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo 1991. Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng, Q1. KHXH, H.
2. Cao Xuân Hạo 1998. Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa. GD, H.
3. Emeneau M.B. 1951. Studies in Vietnamese (Annamese) Grammar. University of California Press, Berkeley and Los Angeles.
4. Fillmore Ch.J 1971. “Verbs of Judging: An Exercise in Semantic Description”. Trong: Studies in Linguistic Semantics. Ch.J. Fillmore & D.T. Langendoen ed. Holt, Rinehart and Winston. pp.273-290.
5. Geurts Bart. Specifics. In: B. Geurts, M. Krifka and R. van der Sandt, eds., Focus and Presupposition in Multi-Speaker Discourse, ESSLLI 99, Utrecht, pp.99-129.
6. Givón T 1984. Syntax – A Functional-Typological Introduction, vol I. Amsterdam: J. Benjamins.
7. Givón T 1990. Syntax – A Functional-Typological Introduction, vol II. Amsterdam: J. Benjamins.

8. Halliday M.A.K 1994. An Introduction to Functional Grammar. 2<sup>nd</sup> edition, London: Arnold.
9. Hoàng Phê ed. 1995. Từ điển tiếng Việt. NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học. Hà Nội – Đà Nẵng.
10. Nguyễn Anh Quế 1988. Hư từ trong tiếng Việt hiện đại. KHXH, H.
11. Nguyễn Đức Dương 2000. Nghĩa của “đều”, “cũng” và “vẫn”. Ngôn ngữ, số 2, H.
12. Nguyễn Văn Phở 2009. Vị từ tri giác tiếng Việt. Ngôn ngữ, số 8, H.
13. von Heusinger Klaus 2001. Specificity and Finiteness in Sentence and Discourse Structure. ZAS Papers in Linguistics 24, pp.167-189.

(Bài đăng trong *Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập*, Viện Ngôn ngữ học – Viện HLKHN, NXB KHXH 2014. Hội nghị quốc tế 2013 tại Hà Nội, có chỉnh lý đôi chỗ.)